Trung tâm Công báo và Tin học Văn phòng Ủy ban Nhân dân 14.10.2021 09:32:47 +07:00

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Tỉnh Quảng Ngãi 12/10/2021 17:41:32

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 949 /QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 10 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi đến năm 2040

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD;

Căn cứ Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi đến năm 2030 và Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 03/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Nhiệm vụ đồ án Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 1721/BXD-QHKT ngày 15/4/2020 của Bộ Xây dựng về việc góp ý kiến với đồ án Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2040;

Căn cứ Thông báo số 202-TB/TU ngày 14/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi đến năm 2040;

Theo đề nghị của UBND thành phố Quảng Ngãi tại Tờ trình số 176/TTr-UBND ngày 29/9/2021 và Báo cáo số 485/BC-UBND ngày 11/10/2021; đề xuất của Hội đồng thẩm định đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi tại Báo cáo thẩm định số 704/BC-HĐTĐ ngày 11/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi đến năm 2040, với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi đến năm 2040.

2. Quy mô, phạm vi lập quy hoạch

- Phạm vi ranh giới lập quy hoạch gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của thành phố Quảng Ngãi khoảng 15.734,78 ha, giới cận như sau:

+ Phía Đông: giáp biển Đông;

+ Phía Tây: giáp huyện Sơn Tịnh và huyện Tư Nghĩa;

+ Phía Nam: giáp huyện Tư Nghĩa;

+ Phía Bắc: giáp huyện Sơn Tịnh và huyện Bình Sơn.

3. Tính chất

- Là thành phố tỉnh lỵ, trung tâm chính trị - kinh tế, văn hoá - xã hội và khoa học kỹ thuật của tỉnh Quảng Ngãi; là đô thị ven sông, hướng biển - một trong những đô thị có tiềm năng phát triển thuộc dải đô thị ven biển miền Trung Việt Nam.

- Là một trong những trung tâm kinh tế khu vực miền Trung về thương mại, dịch vụ, du lịch, công nghiệp chế biến, gia công và đặc biệt là hậu phương quan trọng trong quá trình phát triển Khu kinh tế Dung Quất.

- Là đầu mối giao thông quan trọng của khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

4. Quy mô dân số:

- Giai đoạn 2021 - 2030: khoảng 363.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa 83%.

- Giai đoạn 2030 - 2040: khoảng 566.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa 90%.

5. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Giai đoạn (2030)	Giai đoạn (2040)
I	**Đất xây dựng đô thị**	**m^2/ng**	**150-180**	**130-160**
	Đất dân dụng đô thị	**m^2/ng**	**100-120**	**90-110**
	- Đất đơn vị ở	m^2/ng	90-100	80-90
	- Đất công trình công cộng	m^2/ng	5	≥5
	- Đất cây xanh	m^2/ng	≥6	≥6
	- Đất giao thông	km/km^2	4-6,5	4-6,5
II	**Hạ tầng xã hội**			
2.1	Giáo dục			
	Trường trung học phổ thông	hs/1000dân	≥40	≥40
		m^2/học sinh	≥10	≥10
2.2	Y tế			
	Bệnh viện đa khoa	giường/1000người	≥4	≥4
		m^2/giường	≥100	≥100
2.3	Văn hóa - Thể dục thể thao			
	Sân thể thao cơ bản	m^2/người	≥0,6	≥0,6
		ha/công trình	≥1,0	≥1,0
	Sân vận động	m^2/người	≥0,8	≥0,8
		ha/công trình	≥2,5	≥2,5
	Trung tâm văn hóa - thể thao	m^2/người	≥0,8	≥0,8
		ha/công trình	≥3,0	≥3,0
	Nhà văn hoá (hoặc Cung văn hóa)	số chỗ/1000người	≥8	≥8
		ha/công trình	≥0,5	≥0,5
	Nhà thiếu nhi (hoặc Cung thiếu nhi)	số chỗ/1000người	≥2	≥2
2.4	Thương mại (Chợ)	ha/công trình	≥1,0	≥1,0
III	**Hạ tầng kỹ thuật**			
1	Giao thông			
-	Tỷ lệ đất giao thông/diện tích đất xây dựng đô thị	%	≥10	≥10
2	Chỉ tiêu cấp nước			
-	Sinh hoạt	l/ng.ng.đ	150	150

TT	Hạng mục	Đơn vị	Giai đoạn (2030)	Giai đoạn (2040)
-	Công nghiệp (theo loại hình công nghiệp)	m^3/ha,ng,đ	20-60	20-60
3	Chỉ tiêu cấp điện			
-	Sinh hoạt	kwh/ng/năm	750	1100
-	Công cộng (tính bằng % phụ tải điện sinh hoạt)	%	35	40
-	Công nghiệp, kho tàng	kw/ha	50-250	50-250
4	Lượng nước thải			
-	Sinh hoạt	l/ng.ngày	96	120
-	Công nghiệp	m^3/ha,ng,đ	16-48	16-48
-	Du lịch	l/ng.ng	200	240
5	Lượng rác thải	Kg/người/ngày	0,9	1

6. Quy hoạch sử dụng đất

TT	Hạng mục	Quy hoạch năm 2030			Quy hoạch năm 2040		
		Ha	%	m^2/ng	Ha	%	m^2/ng
I	**Tổng diện tích đất xây dựng đô thị**	**5.762,19**	**100**	**158,73**	**7.923,51**	**100**	**139,50**
1	**Đất dân dụng**	**3.530,95**	**61,28**	**117,85**	**5.341,01**	**67,41**	**94,03**
1.1	Đất các đơn vị ở	2.809,21	48,75	93,76	4.291,51	54,16	86,54
1.3	Đất CTCC đô thị	156,56	2,72	5,23	303,43	3,83	5,83
1.4	Đất trường học	21,32	0,37	0,71	31,98	0,40	0,56
1.5	Đất cây xanh đô thị	208,07	3,61	6,94	394,61	4,98	7,58
1.6	Đất hỗn hợp	170,79	2,96	125,33	319,48	4,03	130,64
2	**Đất ngoài dân dụng**	**2.231,24**	**38,72**	**61,46**	**2.582,50**	**32,59**	**45,47**
2.1	Đất CN, TTCN, kho tàng	156,31	2,71		213,23	2,69	
2.2	Đất trung tâm nghiên cứu đào tạo	66,39	1,15		66,39	0,84	
2.3	Đất cơ quan, hành chính sự nghiệp	57,19	0,99		57,19	0,72	
2.4	Đất trung tâm y tế	27,09	0,47		27,09	0,34	

2.5	Đất trung tâm TDTT	15,57	0,27		15,57	0,20	
2.6	Trung tâm thương mại dịch vụ	57,51	1,00		75,84	0,96	
2.7	Đất du lịch	47,52	0,82		87,05	1,10	
2.8	Đất tôn giáo, tín ngưỡng, di tích	172,33	2,99		172,33	2,17	
2.9	Công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	35,33	0,61		47,34	0,60	
2.10	Đất cây xanh (cách ly, chuyên đề)	248,63	4,31		311,15	3,93	
2.11	An ninh, quốc phòng	51,91	0,90		51,91	0,66	
2.12	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	480,45	8,34		134,95	1,70	
2.13	Giao thông	815,01	14,14		1.322,46	16,69	
II	**Đất khác**	**10.165,64**			**7.100,63**		
1	Đất làng xóm	825,63	14,33	130,24	554,39	7,00	116,33
2	Đất dự trữ phát triển	640,34			2.782,32		
3	Đất mặt nước (sông, suối, kênh ...), thủy lợi	2.104,44			2.104,44		
4	Đất nông nghiệp, lâm nghiệp, bãi cát, đất chưa sử dụng	6.595,23			1.659,47		
	Tổng diện tích quy hoạch	**15.734,8**			**15.734,8**		

7. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan:

a) Nguyên tắc quy hoạch không gian

- Tôn trọng, bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên, cảnh quan đặc trưng tự nhiên đồi núi, sông nước, dải ven biển ... của thành phố Quảng Ngãi.

- Phát triển các khu đô thị mới đồng bộ, hiện đại kết hợp với cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu, khớp nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng hiện có và các dự án đã và đang triển khai trong khu vực.

- Hình thành các trục đô thị, trục cảnh quan và các không gian điểm nhấn

trọng tâm, đảm bảo sự liên kết hài hòa với không gian xung quanh.

- Tổ chức không gian đô thị gắn kết với những cảnh quan đặc trưng như: văn hóa lịch sử, cảnh quan mặt nước, ven biển,... của thành phố tạo thành một tổng thể thống nhất từ hình thái tới màu sắc kiến trúc.

b) Các không gian chính trong khu vực quy hoạch:

Thành phố phân thành 03 lớp không gian chủ đạo: Đô thị mật độ cao, đô thị xanh, đô thị ven biển.

b.1) Đô thị mật độ cao, gồm 4 khu đô thị:

- Khu đô thị mới phía Bắc:

+ Vị trí: Gồm Phường Trương Quang Trọng, xã Tịnh Ấn Tây và một phần của 02 xã Tịnh Ấn Đông, Tịnh An.

+ Tính chất, chức năng chính: Trung tâm hành chính tập trung của thành phố, trung tâm y tế chất lượng cao, trung tâm logistic, kho bãi, trung tâm thương mại dịch vụ, công cộng, công viên hồ điều hòa, các khu ở hiện trạng và xây dựng mới.

- Khu đô thị trung tâm hiện hữu:

+ Vị trí: Gồm các phường: Trần Hưng Đạo, Lê Hồng Phong, Nguyễn Nghiêm, Trần Phú, Chánh Lộ, Nghĩa Lộ và một phần phường Quảng Phú, Nghĩa Chánh.

+ Tính chất, chức năng chính: Là khu đô thị tập trung tổng hợp đa chức năng với hệ thống các trung tâm hành chính, tài chính - thương mại - văn phòng, y tế, văn hóa, giáo dục của tỉnh và thành phố.

- Khu đô thị phía Tây phường Quảng Phú:

+ Vị trí: phần còn lại phía Tây của phường Quảng Phú.

+ Tính chất, chức năng chính: Trung tâm dịch vụ hậu cần Logistic, khu đô thị hiện hữu chỉnh trang và xây dựng mới.

- Khu đô thị phía Đông phường Nghĩa Chánh:

+ Vị trí: phần còn lại của phường Nghĩa Chánh và xã Nghĩa Dõng.

+ Tính chất, chức năng chính: Trung tâm đầu mối nông sản thành phố, khu đô thị hiện hữu chỉnh trang và xây dựng mới.

b.2) Đô thị xanh, gồm:

- Khu đô thị xanh phía Bắc:

+ Vị trí: Gồm các xã Tịnh Long, Tịnh Châu, Tịnh Thiện và một phần xã Tịnh Ấn Đông, Tịnh An.

+ Tính chất, chức năng chính: Trung tâm du lịch văn hóa, tâm linh, các khu đô thị tập trung ven bờ Bắc sông Trà và các khu ở nông thôn kết hợp sản xuất nông nghiệp.

- Khu đô thị xanh phía Nam:

+ Vị trí: gồm các xã Nghĩa Dũng, Nghĩa Hà.

+ Tính chất, chức năng chính: Trung tâm thể dục thể thao của tỉnh, các điểm đô thị tập trung ven sông Trà, ở nông thôn kết hợp sản xuất nông nghiệp.

- Các đảo trên sông:

+ Vị trí: gồm các đảo Hòn Ngọc, đảo phía Đông và đảo xóm Lân.

+ Tính chất, chức năng chính: Khu đô thị sinh thái đa chức năng với mật độ xây dựng thấp tại đảo Hòn Ngọc, gắn với đập dâng sông Trà Khúc, là điểm nhấn về kiến trúc cảnh quan của thành phố Quảng Ngãi; điểm tham quan trải nghiệm các hoạt động nông nghiệp tại đảo phía Đông; phát triển du lịch sinh thái mật độ thấp tại đảo xóm Lân.

b.3) Đô thị ven biển, gồm:

- Khu đô thị ven biển phía Bắc:

+ Vị trí: gồm xã Tịnh Khê, Tịnh Kỳ.

+ Tính chất, chức năng chính: Trung tâm văn hóa, du lịch nghỉ dưỡng biển, trung tâm hậu cần nghề cá, khu ở hiện hữu chỉnh trang và xây dựng mới.

- Khu vực Công viên Trung tâm thành phố: Quy hoạch sang đất hỗn hợp, theo hướng mở rộng công viên hướng biển với quy mô phù hợp, kết hợp phát triển đô thị, dịch vụ du lịch sinh thái, du lịch biển,... tạo điểm nhấn cho đô thị thành phố Quảng Ngãi.

- Đô thị thương mại dịch vụ phía Đông Bắc:

+ Vị trí: xã Tịnh Hòa, Tịnh Kỳ.

+ Tính chất và chức năng: Khu tránh trú bão, neo đậu tàu thuyền, hậu cần nghề cá, khu dự trữ phát triển và các khu ở xây dựng mới.

- Khu đô thị ven biển phía Nam:

+ Vị trí: xã Nghĩa An, xã Nghĩa Phú và một phần phía Đông xã Nghĩa Hà.

+ Tính chất và chức năng: Khu neo đậu tàu cá Cổ Lũy, khu du lịch, nghỉ dưỡng sinh thái và khu đô thị chỉnh trang, xây dựng mới ven sông, ven biển.

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Chuẩn bị kỹ thuật

a.1) San nền

- Giai đoạn 2030: Kết hợp tôn nền xây dựng, hệ thống đê bao và trạm bơm thoát nước mưa để bảo vệ được đô thị khỏi lũ tần suất 5%. Các khu vực dự kiến khai thác xây dựng phía trong đê, tôn nền lớn hơn mực nước 10%. Đối với các công trình quan trọng như: Các trục Quốc lộ, đường tỉnh lộ, đường trục chính đô thị, các khu thương mại, công nghiệp, bệnh viện,... cao độ nền xây dựng khống chế ứng với tần suất lũ theo quy định và không nhỏ hơn tần suất lũ 5%.

- Giai đoạn 2040: Nâng cấp hệ thống đê bao, hệ thống trạm bơm thoát nước mưa kết hợp đường giao thông để bảo vệ được đô thị khỏi lũ tần suất 2%. Đối với khu vực trung tâm đô thị, khu công nghiệp, kho tàng, các khu thương mại, công nghiệp, bệnh viện,... cao độ nền xây dựng khống chế ứng với tần suất lũ 1-2%.

- Cao độ khống chế khu vực bờ Bắc sông Trà Khúc:

+ Khu vực xã Tịnh Ấn Tây: Cao độ nền xây dựng ≥7.5m.

+ Khu vực Phường Trương Quang Trọng: Cao độ nền xây dựng ≥7,5m.

+ Khu vực xã Tịnh Ấn Đông: Cao độ nền xây dựng ≥5,5m.

+ Khu vực xã Tịnh An: Cao độ nền xây dựng ≥4,5m.

+ Khu vực xã Tịnh Châu, Tịnh Thiện: Cao độ nền xây dựng ≥5,0m.

+ Khu vực xã Tịnh Long: Cao độ nền xây dựng ≥3,0m.

+ Khu vực xã Tịnh Khê: Cao độ nền xây dựng ≥2,5m.

+ Khu vực xã Tịnh Kỳ: Cao độ nền xây dựng ≥2,5m.

- Cao độ khống chế khu vực bờ Nam sông Trà Khúc:

+ Khu vực nội thành TP Quảng Ngãi: Cao độ nền xây dựng ≥6,0m.

+ Khu vực xã Nghĩa Dõng: Cao độ nền xây dựng ≥5,4m.

+ Khu vực xã Nghĩa Dũng: Cao độ nền xây dựng ≥4,5m.

+ Khu vực xã Nghĩa Hà: Cao độ nền xây dựng ≥3,0m.

+ Khu vực xã Nghĩa Phú: Cao độ nền xây dựng ≥2,69m.

+ Khu vực xã Nghĩa An: Cao độ nền xây dựng ≥2,0m kết hợp kè bảo vệ, cao độ đỉnh kè ≥2,5m.

a.2) Thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước: Khu vực nội thành phố Quảng Ngãi hiện trạng: Xây dựng hệ thống thoát nước nửa riêng; Khu vực quy hoạch xây dựng mới: Xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.

- Phân lưu vực và hướng thoát nước chính: Khu vực phía Bắc sông Trà Khúc.

+ Lưu vực Khu đô thị phía Bắc thành phố Quảng Ngãi: Thoát ra sông

Bàu Sắt, kênh Sơn Tịnh và thoát ra sông Hầm Giang.

+ Lưu vực Khu đô thị Mỹ Trà - Mỹ Khê: Thoát ra sông Sử và sông Trà Khúc.

+ Lưu vực xã Tịnh Long: thoát ra sông Trà Khúc, sông Diêm Điền và sông Kinh Giang.

+ Lưu vực khu Mỹ Khê: Thoát ra sông Diêm Điền và sông Kinh Giang.

+ Lưu vực các xã Tịnh Ấn Đông, Tịnh Châu, Tịnh Thiện: Thoát ra sông Hầm Giang và kênh thoát nước trong khu vực.

+ Lưu vực khu vực Tịnh Hòa, Tịnh Kỳ: Thoát ra sông Diêm Điền, sông Chợ Mới sau đó đổ vào sông Bài Ca.

- Phân lưu vực và hướng thoát nước chính: Khu vực phía Nam sông Trà Khúc.

+ Khu vực đô thị trung tâm thành phố Quảng Ngãi: Lưu vực phía Tây đường sắt: hướng thoát theo kênh Tư Nghĩa thoát ra sông Bàu Giang và sông Trà Khúc; Lưu vực phía Đông đường sắt: thoát ra sông Trà Khúc và sông Bàu Giang.

+ Lưu vực khu vực Nghĩa Dũng, Nghĩa Dõng: thoát ra sông Trà Khúc, sông Ông Trung và sông Phú Thọ.

+ Khu vực khu đô thị Nghĩa Phú: Lưu vực phía Tây núi Phú Thọ: thoát ra sông Trà Khúc; Lưu vực khu vực phía Đông núi Phú Thọ: thoát ra sông Phú Thọ.

a.3) Giải pháp chuẩn bị kỹ thuật khác

- Xây dựng đê kè ven các vị trí xung yếu, chỉnh trị dòng chảy trên các sông, đảm bảo thoát lũ tốt cho đô thị.

- Xây dựng các hồ điều hòa đồng bộ và các trạm bơm cưỡng bức để thoát nước đô thị. Khơi thông, kiên cố hóa và mở rộng dòng chảy các trục thoát nước chính nhằm tách, giảm lũ cho thành phố Quảng Ngãi như: Kênh Tư Nghĩa, sông Bàu Giang, sông Bàu Sắt, kênh Sơn Tịnh, sông Hầm Giang, sông Sử.

b) Giao thông

b.1) Giao thông đối ngoại

- Trục Quốc gia:

+ Đường bộ cao tốc Bắc Nam: Tiếp tục đầu tư xây dựng đoạn cao tốc Quảng Ngãi - Hoài Nhơn (kết nối với đoạn cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi) với quy mô 4 làn xe.

+ Trục Quốc lộ 1: Nâng cấp cải tạo Quốc lộ 1 đoạn qua địa bàn thành phố với mặt cắt ngang quy hoạch hành lang tuyến 41,5m-69m, bố trí đường

gom chạy dọc 2 bên Quốc lộ 1.

+ Trục Quốc lộ 24B: đoạn qua thành phố Quảng Ngãi quy hoạch với quy mô mặt cắt ngang từ 24,75m-45m; Trong đó, đoạn từ Nguyễn Văn Linh đến đường nối cầu Thạch Bích đi Tịnh Phong giữ nguyên quy mô mặt cắt ngang 24,75m. đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường Nguyễn Văn Linh quy mô mặt cắt ngang 32m.

- Hệ thống vành đai:

+ Vành đai 1 - Vành đai đô thị trung tâm (trùng với Trục dọc 9 đoạn qua thành phố): kết nối từ Khu kinh tế Dung Quất, qua các xã Tịnh Phong, Tịnh Ấn Đông, Tịnh An, kết nối cầu Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc, qua các xã Nghĩa Dũng, Nghĩa Dõng và kết thúc tại nút giao với tuyến đường Vành đai 2 tại xã Nghĩa Thương (huyện Tư Nghĩa), mặt cắt ngang quy hoạch tuyến 46m.

+ Vành đai 2: kết nối từ KKT Dung Quất, qua các xã Tịnh Thiện, Tịnh Long, qua cầu Trà Khúc mới đi xã Nghĩa Hà kết thúc tại nút giao với QL1 tại nút giao đường dẫn cao tốc (xã Nghĩa Thương - huyện Tư Nghĩa). Mặt cắt ngang quy hoạch tuyến 46m.

+ Vành đai 3 - Vành đai ven biển (trùng trục dọc D1 - tuyến ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh): Tuyến bắt đầu từ Khu kinh tế Dung Quất đến QL.24B, đến đường Hoàng Sa, qua cầu Cổ Lũy, đi về phía Nam kết nối các khu vực ven biển. Mặt cắt ngang quy hoạch tuyến đoạn qua thành phố Quảng Ngãi rộng 36m-40m.

+ Vành đai 4 - Vành đai phía Tây: Chạy song song với tuyến đường sắt cao tốc, kết nối khu vực phía Tây thành phố đến đường Tịnh Phong - Cảng Dung Quất 2. Mặt cắt ngang quy hoạch tuyến 46,5m và tuyến đường gom rộng 15,5m.

b.2) Giao thông đối nội:

- Trục ngang đô thị:

+ Trục chính đô thị N1: Phía Bắc thành phố Quảng Ngãi kết nối từ tuyến Dung Quất - Sa Huỳnh đến giao với đường trục dọc phía Đông đường sắt Bắc Nam, mặt cắt ngang quy hoạch tuyến đoạn qua thành phố 40m.

+ Trục chính đô thị N2: Kết nối từ đường tỉnh ĐT.621 tại Bình Châu đến giao với đường với trục dọc phía Đông đường sắt Bắc Nam, mặt cắt ngang quy hoạch tuyến đoạn qua thành phố 60m.

+ Trục chính đô thị N3: Phía Bắc sông Trà khúc (trên cơ sở tuyến Hoàng Sa-Tế Hanh), kết nối trung tâm huyện lỵ mới huyện Sơn Tịnh đến giao với vành đai 3 tại phía Bắc cầu Cổ Lũy. Mặt cắt ngang quy hoạch tuyến từ 27m-36m.

+ Trục chính đô thị N4: phía bờ Nam sông Trà khúc (trên cơ sở tuyến Tôn Đức Thắng - Bà Triệu - Trường Sa). Mặt cắt ngang quy hoạch tuyến 36m.

+ Trục chính đô thị N5: là trục chính trung tâm phía Nam (trên cơ sở đường tỉnh ĐT623B - Hoàng Hoa Thám - Lê Thánh Tôn - Bích Khê - Hồ Quý Ly - Thu Xà). Mặt cắt ngang quy hoạch tuyến từ 28m-50m.

- Trục dọc đô thị:

+ Trục dọc chính đô thị 1: Trên cơ sở tuyến Tịnh Phong - cầu Thạch Bích - Chu Văn An - Nguyễn Công Phương - Chợ Chùa; mặt cắt ngang quy hoạch tuyến từ 21m-31m.

+ Trục dọc chính đô thị 2: Trên cơ sở tuyến Nguyễn Văn Linh - cầu Trà Khúc 1 - Quang Trung; Mặt cắt quy hoạch từ 21m đến 32m.

b.3) Giao thông tĩnh:

- Xây dựng 3 bến xe khách đối ngoại cho thành phố: Bến xe phía Bắc (3,5ha), bến xe phía Nam (2,6ha), bến xe Chín Nghĩa (2,54ha).

- Bố trí bãi đỗ xe cho các khu vực phát triển đô thị, chỉ tiêu bãi đỗ xe tính toán cho từng khu vực riêng đảm bảo theo quy chuẩn từ 2.5m^2/người. Bãi đỗ xe được tổ chức gần các công trình công cộng, trung tâm thương mại, công viên cây xanh và các khu dân cư đông đúc nhằm phục vụ người dân đô thị.

b.4) Giao thông đô thị:

- Vùng trung tâm thành phố: cải tạo, mở rộng lộ giới của một số tuyến đường chính để đảm bảo cho việc lưu thông. Bổ sung hệ thống bãi đỗ xe, các công trình đầu mối giao thông.

- Các khu đô thị mới xây dựng: hệ thống giao thông được tính toán, thiết kế đảm bảo chỉ tiêu kỹ thuật đô thị loại II; các trục chính được quy hoạch hướng đến đạt tiêu chí đô thị loại I.

- Khu nghỉ dưỡng, sinh thái, du lịch: mạng lưới đường được quy hoạch xây dựng ngoài chức năng giao thông còn phải đảm bảo chức năng không gian và cảnh quan, ưu tiên tối đa xanh hóa cho hệ thống hè đường.

- Giao thông công cộng: tiếp tục khai thác, mở rộng hệ thống các tuyến xe buýt từ thành phố Quảng Ngãi đi đến các huyện. Giai đoạn dài hạn: quy hoạch xây dựng hệ thống xe buýt nhanh (BRT) kết nối từ thành phố đến KKT Dung Quất.

c) Cấp điện

- Tổng nhu cầu cấp điện cho khu vực lập quy hoạch: giai đoạn ngắn hạn khoảng 277.026KVA, giai đoạn dài hạn 500.850 kVA.

- Nguồn điện:

+ Trạm 110 kV Núi Bút: công suất hiện trạng (25+40)MVA, đến năm 2030 nâng cấp công suất (2x40)MVA.

+ Trạm 110kV Tịnh Phong (Sơn Tịnh) có công suất (2x40)MVA; đến năm 2040 nâng công suất lên (2x63)MVA.

+ Trạm 110kV Quảng Phú công suất hiện trạng (1x25)MVA, nâng công suất lên (25+40)MVA đến năm 2030 và (2x40)MVA đến năm 2040.

+ Xây dựng mới trạm 02 trạm 110kV Nghĩa Hà, Mỹ Khê; Công suất mỗi trạm (2x25)MVA đến năm 2030 và (2x40)MVA đến năm 2040.

- Lưới điện:

+ Quy hoạch xây dựng mới kết hợp cải tạo nắn chỉnh một số tuyến điện trung thế, hạ thế nhằm phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường giao thông.

+ Đối với các khu vực xây dựng mới, khuyến khích hạ ngầm lưới điện đi trong hào kỹ thuật đảm bảo mỹ quan đô thị. Với các khu vực hiện hữu, từng bước hạ ngầm lưới điện tiến tới hạ ngầm hoàn toàn lưới điện cho toàn đô thị.

- Lưới điện chiếu sáng đường phố: Xây dựng các tuyến cáp ngầm chiếu sáng dọc theo các trục đường giao thông, kết hợp chiếu sáng trang trí trong khuôn viên các công trình và các khu chức năng của công viên.

d) Cấp nước

- Nguồn nước: Nước ngầm và nước mặt ven sông Trà khúc.

- Tổng nhu cầu dùng nước: Giai đoạn ngắn hạn khoảng 94.000m^3/ng.đ, giai đoạn dài hạn khoảng 143.000 m3/ng.đ.

- Công trình đầu mối:

+ Nâng cấp Nhà máy nước thành phố hiện hữu đến năm 2030, công suất khai thác: 30.000 m3/ng.đ.

+ Xây dựng mới Nhà máy nước An Phú tại xã Tịnh An, công suất 20.000 m3/ng.đ; giai đoạn 2040: 30.000m3/ngđ. Nhà máy nước Nghĩa Kỳ - Nghĩa Thuận, công suất: GĐ1: 25.000 m3/ng.đ, GĐ2: 50.000 m3/ng.đ; giai đoạn 2040: 110.000m3/ngđ.

- Mạng lưới đường ống: Mạng lưới cấp nước sạch chia làm 3 cấp, gồm: đường ống truyền tải đường kính D300-D500; Tuyến ống phân phối đường kính D100-D250; hệ thống ống dịch vụ đường kính từ D50 đến D90. Bố trí các trụ cấp nước cứu hỏa cách nhau khoảng từ 100m-150m.

đ) Thoát nước thải, chất thải rắn, nghĩa trang

đ.1) Thoát nước thải:

- Đối với khu vực trung tâm thành phố: Xây dựng hệ thống thoát nước nửa riêng. Xây dựng trạm xử lý nước thải tại công viên Ba Tơ và trạm xử lý Nghĩa Lộ để xử lý; thoát ra sông Trà Khúc và sông Bàu Giang.

- Khu vực Quảng Phú: Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng. Xây dựng trạm xử lý nước thải Quảng Phú để làm sạch; thoát ra kênh Tư Nghĩa và thoát về sông Bàu Giang.

- Khu vực đô thị trung tâm phía Bắc thành phố: Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng dẫn về trạm xử lý nước thải Trương Quang Trọng để làm sạch, thoát ra sông Hầm Giang - Phú Vinh.

- Đối với các khu đô thị mở rộng, xây mới (Nghĩa Hà, Nghĩa Phú, Nghĩa An, Nghĩa Dõng, nghĩa Dũng, Tịnh Khê, Tịnh Long, Tịnh Châu, Tịnh Thiện...): xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn. Nước thải sinh hoạt được thu gom dẫn về các trạm xử lý nước thải phân tán theo từng khu vực để xử lý và thoát ra sông Kinh Giang, sông Diêm Điền, sông Bài Ca, sông Hiền Lương - Phú Thọ, sông Trà Khúc.

- Nước thải công nghiệp - y tế: được thu gom, xử lý tại các trạm xử lý trong khu, cụm công nghiệp, nước thải của các nhà máy xí nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, các bệnh viện, trung tâm y tế phải xử lý riêng đạt tiêu chuẩn vệ sinh theo quy định mới được xả ra nguồn tiếp nhận.

đ.2) Chất thải rắn:

- Đến năm 2030, các loại chất thải rắn phải được phân loại tại nguồn.

- Định hướng quy hoạch mở rộng Khu liên hợp xử lý CTR tập trung Nghĩa Kỳ, đảm bảo phục vụ cho thành phố Quảng Ngãi và các đô thị vệ tinh xung quanh thành phố.

- Bố trí các điểm trung chuyển CTR trong đô thị, đảm bảo vệ sinh môi trường.

đ.3) Nghĩa trang:

- Quy hoạch xây dựng mới các Công viên nghĩa trang tại xã Tịnh Ấn Đông, diện tích khoảng 127 ha và nghĩa trang sinh thái tại xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, diện tích khoảng 40ha - với công nghệ táng tổng hợp.

- Đối với các Nghĩa trang nhỏ lẻ trên hiện trạng không đảm bảo khoảng cách vệ sinh môi trường: khoanh vùng đóng cửa, từng bước di dời về các nghĩa trang tập trung của thành phố.

e) Quy hoạch thông tin liên lạc, hào kỹ thuật

e.1) Mạng ngoại vi:

- Từng bước ngầm hoá mạng lưới thông tin liên lạc khu vực nội thành thành phố; sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật để đi cáp viễn thông. Khi cải tạo các tuyến giao thông thì xem xét ngầm hóa đồng bộ hệ thống cáp thông tin với hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác.

- Các khu đô thị, khu dân cư, khu chức năng quy hoạch xây dựng mới phải đi ngầm đồng bộ hệ thống thông tin.

e.2) Mạng di động:

- Phát triển mạng thu phát sóng thông tin di động; các trạm thu phát sóng thông tin di động đảm bảo mỹ quan đô thị, đảm bảo các quy chuẩn, tiêu chuẩn về an toàn chất lượng, không gây ảnh hưởng đến môi trường, sức khỏe cộng đồng.

- Xây dựng mới các cột ăng ten loại A1. Từng bước cải tạo các cột ăng ten cồng kềnh thu phát sóng có vị trí gần mặt đường, độ cao không hợp lý, ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị.

e.3) Bưu chính - viễn thông:

- Xây dựng các điểm bưu chính với bán kính phục vụ hợp lý, kết hợp với các loại hình dịch vụ khác phù hợp.

- Hình thành các trung tâm chuyển mạch quang cấp vùng đa dịch vụ; từng bước chuyển toàn mạng sang mạng thế hệ sau.

- Đẩy mạnh phát triển các mạng viễn thông di động, tiến tới hệ thống thông tin di động thế hệ mới 5G.

e.4) Hào kỹ thuật: Quy hoạch xây dựng các tuyến hào kỹ thuật đi dọc theo vỉa hè các trục đường. Bố trí các tuyến đường dây, đường ống trong hào kỹ thuật hợp lý, đảm bảo khoảng cách giữa các tuyến theo quy định.

g) Đánh giá môi trường chiến lược và giải pháp bảo vệ môi trường

g.1) Về tổng thể

- Kiểm soát ô nhiễm nguồn nước mặt các sông, suối, hồ, nước biển ven bờ và môi trường đất, không khí đặc biệt tại các khu công nghiệp, khu vực dự kiến xả thải, khu du lịch, các điểm tập trung CTR...

- Cải thiện và sử dụng bền vững tài nguyên đất, xây dựng theo điều kiện địa hình tự nhiên, hạn chế đào đắp. Có phương án sử dụng đất thích hợp cho từng khu vực.

- Giảm thiểu tai biến môi trường. Hạn chế ảnh hưởng của hiện tượng úng ngập cục bộ do hệ thống tiêu thoát không đảm bảo. Có biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Bảo vệ cảnh quan môi trường, kết nối hệ thống mặt nước. Bảo vệ các điểm di tích, các khu có tiềm năng khai thác du lịch, các thảm thực vật. Bảo vệ phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh, mặt nước trong đô thị.

g.2) Về giảm thiểu tác động tới chất lượng môi trường không khí

- Trồng các hành lang cây xanh với nhiều dải cây xanh nhằm giảm ô nhiễm không khí, tiếng ồn dọc các trục giao thông chính;

- Tăng cường mật độ cây xanh ở những nơi còn đất trống để đạt diện tích cây xanh lớn nhất trong đô thị để cải thiện điều kiện vi khí hậu: Tổ chức

không gian cây xanh và các không gian mở trong đô thị, tổ chức không gian cây xanh đường phố, khu nhà ở, các vườn hoa nhỏ, công viên....

g.3) Về giảm thiểu tác động đến môi trường nước

- Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị, đa dạng hóa loại hình và công nghệ xử lý nước thải phù hợp với quy mô và tính chất của các khu chức năng trong đô thị;

- Nâng cấp, xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải đô thị;

- Không đổ chất thải xuống các dòng chảy, xả thải bừa bãi trên các khu vực sông suối;

- Không được bố trí, xây dựng các công trình có nguy cơ gây ô nhiễm nước gần khu vực nguồn nước.

g.4) Về biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường đất

- Các khu xử lý, trung chuyển nước thải và rác thải phải có hệ thống chống thấm tốt để tránh gây ô nhiễm đất và nước ngầm;

- Chất thải rắn trong sinh hoạt của người dân phải được thu gom, phân loại và chuyển đến khu xử lý CTR theo quy định.

g.5) Giải pháp về quản lý

- Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường trong đô thị đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường tại khu vực;

- Giám sát hiệu quả của các công trình xử lý ô nhiễm, phát hiện các nguyên nhân gây biến động môi trường và xây dựng các giải pháp khống chế hữu hiệu.

g.6) Chương trình quan trắc, giám sát môi trường

- Quan trắc môi trường không khí tại các nút giao thông và trên các tuyến giao thông chính của khu vực, quan trắc môi trường không khí ở khu dân cư tập trung để nhận biết sớm sự gia tăng của các chất gây ô nhiễm nhằm có biện pháp giảm thiểu;

- Tiến hành quan trắc môi trường nước sông suối trong khu vực tại nguồn tiếp nhận xả thải, môi trường nước ngầm tại khu vực dân cư đông đúc, khu vực bãi rác nhằm theo dõi sự ô nhiễm môi trường nước theo thời gian;

- Quan trắc môi trường đất tại khu vực dân cư đông đúc, khu vực xử lý nước thải, bãi tập kết rác;

- Lấy mẫu nước thải sinh hoạt, nước thải y tế trước và sau khi xử lý để theo dõi, từ đó có thể thay đổi công nghệ xử lý, quy mô khu xử lý phù hợp, đảm bảo tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường;

- Giám sát quá trình thu gom và xử lý chất thải rắn để biết được sự thay đổi về khối lượng, thành phần các loại chất thải rắn, qua đó có biện pháp xử lý phù hợp, hạn chế gây ô nhiễm môi trường.

g.7) Các chương trình ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện:

- Tập trung các dự án chiến lược, ưu tiên đầu tư làm cơ sở động lực phát triển đô thị trong tương lai như:

+ Các dự án hạ tầng khung như đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi, đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, hoàn thiện trục Trường Chinh - Lê Duẩn, Lê Thánh Tôn,...;

+ Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho thành phố, xây dựng nghĩa trang Tịnh Ấn Đông, xây dựng khu liên hợp chất thải rắn...

+ Từng bước nâng cấp chỉnh trang lớp khu vực lõi đô thị tại trung tâm thành phố, dọc theo các trục đường chính: Phạm Văn Đồng, Nguyễn Trãi, Lê Lợi, Lê Thánh Tôn, Hùng Vương, Hai Bà Trưng, Chu Văn An, Tôn Đức Thắng; Tập trung đầu tư khai thác hiệu quả quỹ đất dọc 2 bờ sông Trà Khúc, khu vực ven biển Tịnh Khê - Tịnh Kỳ;

- Ngoài ra, cần quan tâm và ưu tiên các dự án khác như:

+ Các dự án nhà ở xã hội của người thu nhập thấp, tái định cư.

+ Các dự án trung tâm thương mại, siêu thị, các khu vui chơi giải trí ở quy mô vừa và nhỏ để đảm bảo phục vụ cho người dân đô thị và du khách.

+ Một số dự án hạ tầng kỹ thuật khung khác của đô thị như: Các trục giao thông chính, nâng cấp hệ thống cấp nước, cấp điện.

(Có thuyết minh và bản vẽ quy hoạch kèm theo)

Điều 2. Phê duyệt Quy định quản lý theo đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi đến năm 2040, gồm có 03 Chương, 14 Điều.

(Chi tiết có thuyết minh và bản vẽ quy định quản lý kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về công tác xây dựng cơ bản, thực hiện quy hoạch và kiến trúc đô thị theo thẩm quyền.

2. UBND thành phố chịu trách nhiệm:

- Tổ chức công bố công khai, cắm mốc giới quy hoạch để các tổ chức, cơ quan có liên quan và nhân dân trong vùng quy hoạch biết, thực hiện.

- Tổ chức kiểm tra, rà soát các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và các dự án có liên quan để có giải pháp điều chỉnh kịp thời, đảm bảo phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch chung được duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ban ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các phường, xã thuộc thành Quảng Ngãi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- TT. Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- TT. Thành ủy và HĐND Tp. Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP, các phòng N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD. pbc620

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Đặng Văn Minh